

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện Quyết định số 761/QĐ-TTg, ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ và kết quả thực hiện nghề trọng điểm và trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020.

Thực hiện yêu cầu của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tại Công văn số 857/BLĐTBXH-BTCGDNN, ngày 09/3/ 2017 về việc báo cáo đánh giá, đề xuất sửa đổi một số nội dung tại Quyết định số 761/QĐ-TTg và Quyết định ban hành nghề trọng điểm, trường được lựa chọn nghề trọng điểm, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk báo cáo như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 761/QĐ-TTg NGÀY 23/5/2014 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Trường Cao đẳng nghề Thanh niên dân tộc Tây Nguyên của tỉnh Đắk Lắk là trường chất lượng cao nằm trong Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Trong giai đoạn, nhà trường đã phấn đấu đạt mục tiêu, nhiệm vụ để đạt các tiêu chí đáp ứng trường chất lượng cao đề ra (*Chi tiết tại Biểu số 1.1*).

- **Đề xuất sửa đổi, bổ sung các nội dung** : Đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xem xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, sửa đổi, bổ sung *Tiêu chí 3: Về trình độ học sinh, sinh viên sau đào tạo*. Lý do : Các chỉ số về trình độ tin học, trình độ ngoại ngữ tiếng Anh được quy định tại Tiêu chí 3 là khá cao đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại các tỉnh có điều kiện kinh tế khó khăn, các trung tâm đủ điều kiện đánh giá chưa có. (*Chi tiết tại Biểu số 1.2*).

- **Đề xuất, bổ sung trường chất lượng cao**: Không có.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỀ TRỌNG ĐIỂM VÀ TRƯỜNG ĐƯỢC LỰA CHỌN NGHỀ TRỌNG ĐIỂM

1. Tình hình thực hiện giai đoạn 2013-2016

Đắk Lắk có hai trường được lựa chọn đầu tư nghề trọng điểm theo Quyết định số 854/QĐ-BLĐTBXH, ngày 06/6/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt nghề trọng điểm và trường được lựa chọn nghề trọng điểm giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020. Cụ thể:

a) Trường Cao đẳng nghề Thanh niên dân tộc Tây Nguyên:

- Nghề cấp độ khu vực ASEAN (04 nghề): Gia công, thiết kế sản phẩm mộc, Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp, Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm), Điện tử công nghiệp.

- Nghề cấp độ quốc gia (03 nghề): Lâm sinh, Chế biến cà phê - ca cao, Thú y.

b) Trường Cao đẳng nghề Đắk Lắk: 03 Nghề cấp độ quốc gia: Cắt gọt kim loại, Điện công nghiệp, Công nghệ ô tô.

Trong giai đoạn, dự án "Đổi mới và Phát triển dạy nghề" với nhiều hoạt động thiết thực cần được đầu tư tuy nhiên vì nguồn kinh phí phân bổ có hạn nên chỉ ưu tiên tập trung đầu tư thiết bị dạy nghề. Đây là hoạt động cấp thiết nhất để đảm bảo đủ thiết bị cho học sinh học nghề thực hành, đáp ứng kỹ năng nghề của người sử dụng lao động và phần kinh phí còn lại đảm bảo cơ sở vật chất, phòng học cho học sinh học tập. Đã thực hiện mua sắm thiết bị dạy nghề các nghề trọng điểm quốc gia và nghề trọng điểm khu vực ASEAN với tổng nguồn kinh phí từ Ngân sách Trung ương hỗ trợ là 35.500 triệu đồng.

- Trường Cao đẳng nghề Đắk Lắk: mua sắm thiết bị cho 03 nghề cấp độ quốc gia: Điện công nghiệp, Công nghệ ô tô, Cắt gọt kim loại với kinh phí 9.000/9.000 triệu đồng.

- Trường Cao đẳng nghề Thanh niên dân tộc Tây Nguyên: mua sắm thiết bị dạy nghề các nghề cấp độ khu vực ASEAN, gia công thiết kế sản phẩm Mộc và các nghề cấp độ quốc gia: Thú y, Chế biến cà phê-ca cao, Lâm sinh, Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm), Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp với kinh phí 24.502 triệu đồng và sửa chữa, xây dựng nhà xưởng cho các nghề: Gia công, thiết kế sản phẩm Mộc; Chế biến cà phê - ca cao với kinh phí 1.974 triệu đồng.

Nhìn chung, nhà xưởng, thiết bị dạy nghề từ dự án đưa vào sử dụng đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là học sinh, giáo viên được tiếp cận tốt hơn với kỹ thuật, công nghệ mới trong đào tạo; kỹ năng thực hành nghề đáp ứng tốt yêu cầu của đơn vị sử dụng. Sự đầu tư của dự án đã góp phần tạo điều kiện cho các trường nghề phát triển theo định hướng trường nghề chất lượng cao. Tuy nhiên, vẫn chưa thể bắt kịp sự phát triển máy móc, thiết bị hiện đại của nền sản xuất tiên tiến hiện nay.

2. Hiệu quả đào tạo trong giai đoạn 2013-2016

- Công tác tuyển sinh các nghề trọng điểm giai đoạn này: 2.972 học sinh, sinh viên ở cả ba cấp trình độ: cao đẳng nghề, trung cấp nghề, sơ cấp nghề. Trong đó, Trường Cao đẳng nghề Đắk Lắk: 1.676 học sinh, sinh viên; Trường CĐN Thanh niên dân tộc Tây Nguyên: 1.296 học sinh, sinh viên.

- Tổng số học sinh, sinh viên tốt nghiệp có việc làm của các nghề ở 3 cấp trình độ là 1.300 học sinh, sinh viên.

(Chi tiết tại biểu phụ lục số 2.1 kèm theo).

3. Đề xuất nghề trọng điểm, trường được lựa chọn nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020: *(Chi tiết tại Biểu phụ lục 2.2).*

- Trường Cao đẳng nghề Thanh niên dân tộc Tây Nguyên: đề nghị bổ sung hai thêm hai nghề cấp độ Quốc gia là Công nghệ ô tô và nghề Công nghệ Hàn; 07 nghề trọng điểm trước đây giữ nguyên.

- Trường Cao đẳng nghề Đắk Lắk: đề nghị bổ sung thêm nghề Hàn vào nghề trọng điểm cấp độ Quốc gia; điều chỉnh hai nghề Công nghệ ô tô và nghề Điện công nghiệp từ cấp độ Quốc gia lên cấp độ Khu vực ASEAN; giữ nguyên nghề Cắt gọt kim loại cấp độ Quốc gia.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc

- Nhu cầu về trang thiết bị dạy nghề rất cao, nguồn kinh phí cấp hàng năm chỉ đáp ứng một phần so với yêu cầu và chưa đủ 1/3 danh mục nghề tối thiểu theo quy định, gây ảnh hưởng đến quy mô và chất lượng đào tạo. Mặt khác, việc đầu tư đồng bộ các hoạt động khác như: đào tạo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; xây dựng, đổi mới chương trình, giáo trình ... là hoạt động cấp thiết quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng đầu ra cho học sinh sinh viên, nhưng do hạn chế về ngân sách nên chưa được thực hiện đồng bộ.

- Các trường chưa tạo được thế mạnh cũng như thương hiệu ngành nghề điển hình của mỗi trường, còn có sự trùng lặp nhiều ngành nghề đào tạo giữa các trường; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngày càng nhiều nhưng thực lực còn thấp.

- Tỷ lệ giảng viên đạt chuẩn tiếng Anh TOEIC, tin học IC3 và đạt chuẩn về bậc kỹ năng nghề cấp quốc gia hay các bậc thợ còn hạn chế.

- Kết quả điều tra lần vết chưa thật sự phản ánh chính xác và đầy đủ tỷ lệ việc làm sau đào tạo của học sinh, sinh viên vì đánh giá thực tế còn hạn chế.

- Chất lượng tuyển sinh đầu vào các nghề trọng điểm thấp, việc đánh giá năng lực trình độ tin học, ngoại ngữ của người đăng ký học nghề các nghề trọng điểm còn gặp khó khăn dẫn đến chất lượng đào tạo chưa cao.

- Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn ít, chủ yếu sử dụng lao động phổ thông; tâm lý người dân ngại đi làm xa, do đó ảnh hưởng đến công tác giải quyết việc làm sau đào tạo.

- Giáo dục nghề nghiệp chưa có sức hút đối với học sinh và phụ huynh, nguyên nhân do tâm lý coi trọng bằng cấp còn nặng nề trong tư tưởng, quan niệm của người dân và xã hội.

2. Đề xuất, kiến nghị

Để thực hiện tốt Quyết định số 761/QĐ-TTg, ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Đắk Lắk đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xem xét, đề nghị Thủ tướng Chính phủ giải quyết cho tỉnh các nội dung sau:

- Hỗ trợ kinh phí đủ để thực hiện đồng bộ các hoạt động về đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; đổi mới phát triển chương trình, giáo trình...

- Đào tạo nghề nghiệp song song với việc đào tạo ngoại ngữ cho học sinh sinh viên nhằm cung ứng lao động chất lượng cao tự do di chuyển khu vực và quốc tế, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu lao động.

- Nghiên cứu, xây dựng và bố trí vốn cho để *phát triển kỹ năng giáo dục nghề nghiệp* nhằm: Tuyển sinh, đào tạo miễn phí cho một số em học sinh có thành tích học tập xuất sắc ở các bậc học phổ thông trung học và đạt chuẩn tiếng Anh TOEIC, tin học trên cả nước, tạo nguồn, xây dựng chất lượng đầu vào đối với nghề trọng điểm.

Trên đây là báo cáo của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk kính gửi Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xem xét./

Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH (b/c);
- Tổng cục dạy nghề (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh (đ/c H'Yim);
- CVP, PCVP UBND tỉnh (đ/c An);
- Sở LĐTBXH;
- Phòng TH;
- Lưu: VT, KGVX (T.14).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hải Ninh

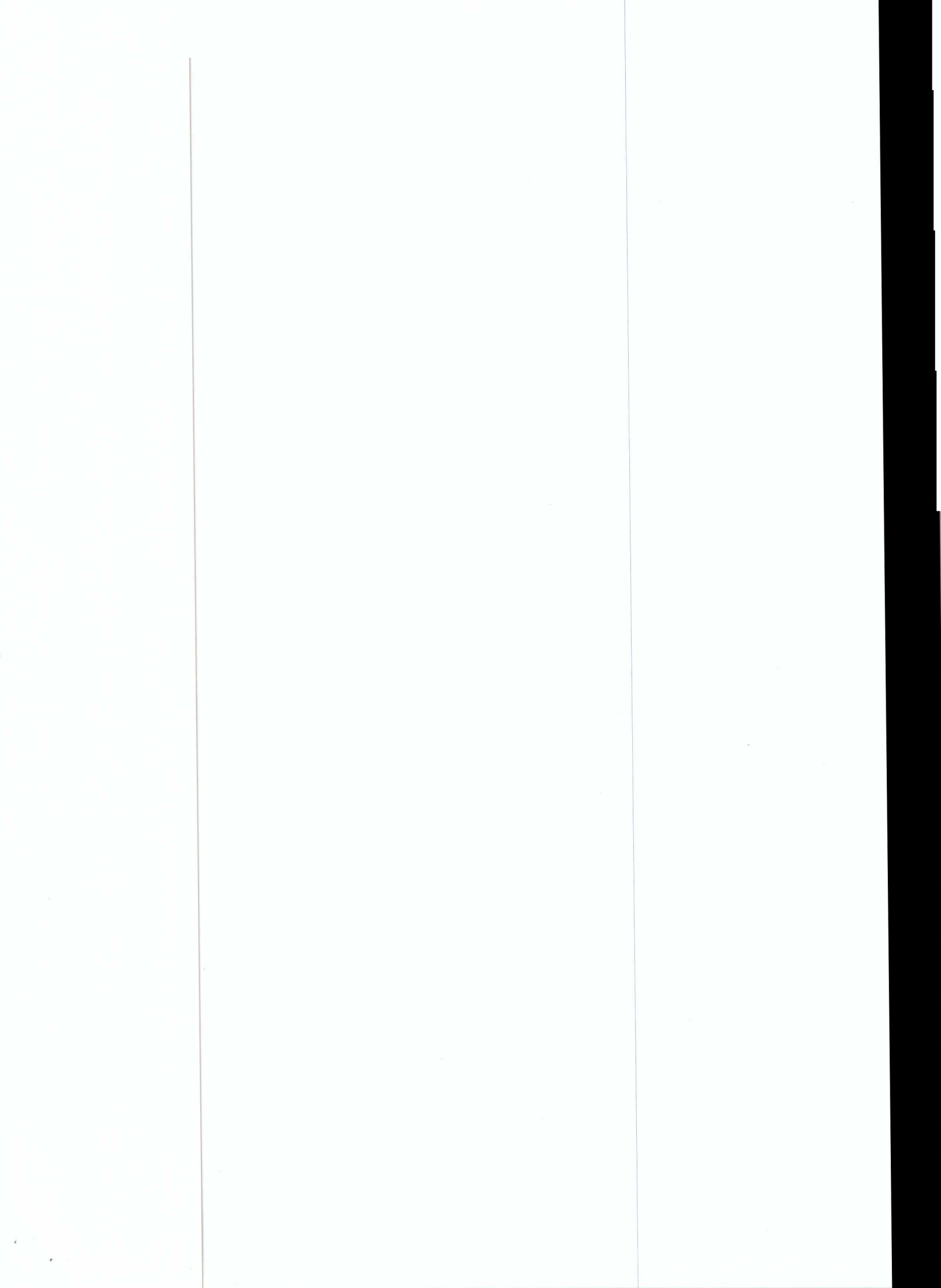
Biểu số 1.1

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC SO VỚI CÁC TIÊU CHÍ TRƯỜNG NGHỀ CHẤT LƯỢNG CAO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 761/QĐ-TTG NGÀY 23/5/2014 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ (TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ THANH NIÊN DÂN TỘC TÂY NGUYÊN)

(Kèm theo Báo cáo số: 86 /BC-UBND, ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk)

TT	Nội dung	Kết quả tự đánh giá			Mức độ đáp ứng theo các tiêu chí (%)	Khả năng được đánh giá, công nhận là trường CLC		Thuyết minh kết quả tự đánh giá
		Đạt	Không đạt	Không đánh giá được		Đến năm 2018	Đến năm 2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Trường Cao đẳng nghề Thanh niên dân tộc Tây Nguyên							
1	Tiêu chí 1. Về quy mô đào tạo: Quy mô đào tạo tối thiểu là 2.000 học sinh, sinh viên hệ trung cấp nghề, cao đẳng nghề (tính theo số HS, SV quy đổi)	x						Quy mô học sinh hệ TCN, CDN quy đổi năm 2016: 2.018 HSSV
	<i>trong đó có ít nhất 30% hHS, SV học các nghề trọng điểm.</i>	x						Số học sinh học nghề trọng điểm quy đổi năm 2016: 820 HSSV, đạt 40,7 % HSSV học các nghề trọng điểm
2	Tiêu chí 2. Về việc làm sau đào tạo: Có ít nhất 80% số học sinh, sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng nghề được đào tạo	x						Kết quả năm 2016 mới thực hiện điều tra lần vết lần 1 nên số liệu chưa đầy đủ do đó trường lấy số liệu của năm 2015.
	<i>trong vòng 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp,</i>	x						Kết quả năm 2016 mới thực hiện điều tra lần vết lần 1 nên số liệu chưa đầy đủ do đó trường lấy số liệu của năm 2015.

5	Tiêu chí 5. Về giáo viên, giảng viên: 100% giáo viên đạt chuẩn quy định, có trình độ tin học IC3 hoặc tương đương trở lên,	x					Giáo viên đạt chuẩn trình độ và chuyên môn quy định (<i>không bao gồm kỹ năng nghề, và trình độ tin học, tiếng Anh</i>): 100%
	<i>trình độ ngoại ngữ tiếng Anh đạt 350 điểm TOEIC hoặc tương đương trở lên.</i>	x					- Trường tổ chức bồi dưỡng thường xuyên chuyên môn và học ngoại ngữ TOEIC, tin học IC3 cho giảng viên, giáo viên dạy nghề.
	<i>Trong đó, giáo viên dạy các nghề trọng điểm được chuyển giao có trình độ ngoại ngữ tiếng Anh đạt 450 điểm TOEIC hoặc tương đương trở lên.</i>	x					- Trường tổ chức bồi dưỡng thường xuyên chuyên môn và học ngoại ngữ TOEIC, tin học IC3 cho giảng viên, giáo viên dạy nghề.
6	Tiêu chí 6. Về quản trị nhà trường: 100% cán bộ quản lý của trường được cấp chứng chỉ đào tạo về nghiệp vụ quản lý dạy nghề.		x			x	Tỷ lệ cán bộ quản lý được cấp chứng chỉ đào tạo về nghiệp vụ quản lý dạy nghề: 68,6% (cán bộ quản lý tính cả tổ trưởng tổ chuyên môn, nghiệp vụ)
	<i>Các hoạt động quản lý của trường và chương trình đào tạo các nghề trọng điểm được số hóa và mô phỏng hóa theo các công nghệ phần mềm tiên tiến trên thế giới.</i>		x			x	Trường chi có các phần mềm quản lý: Website/Cổng thông tin, Mạng nội bộ, Thư viện điện tử, Quản lý đào tạo, Quản lý tài chính. Các chương trình đào tạo các nghề trọng điểm chưa được số hóa và mô phỏng hóa nhiều.



**TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 761/QĐ-TTG NGÀY 23/5/2014
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

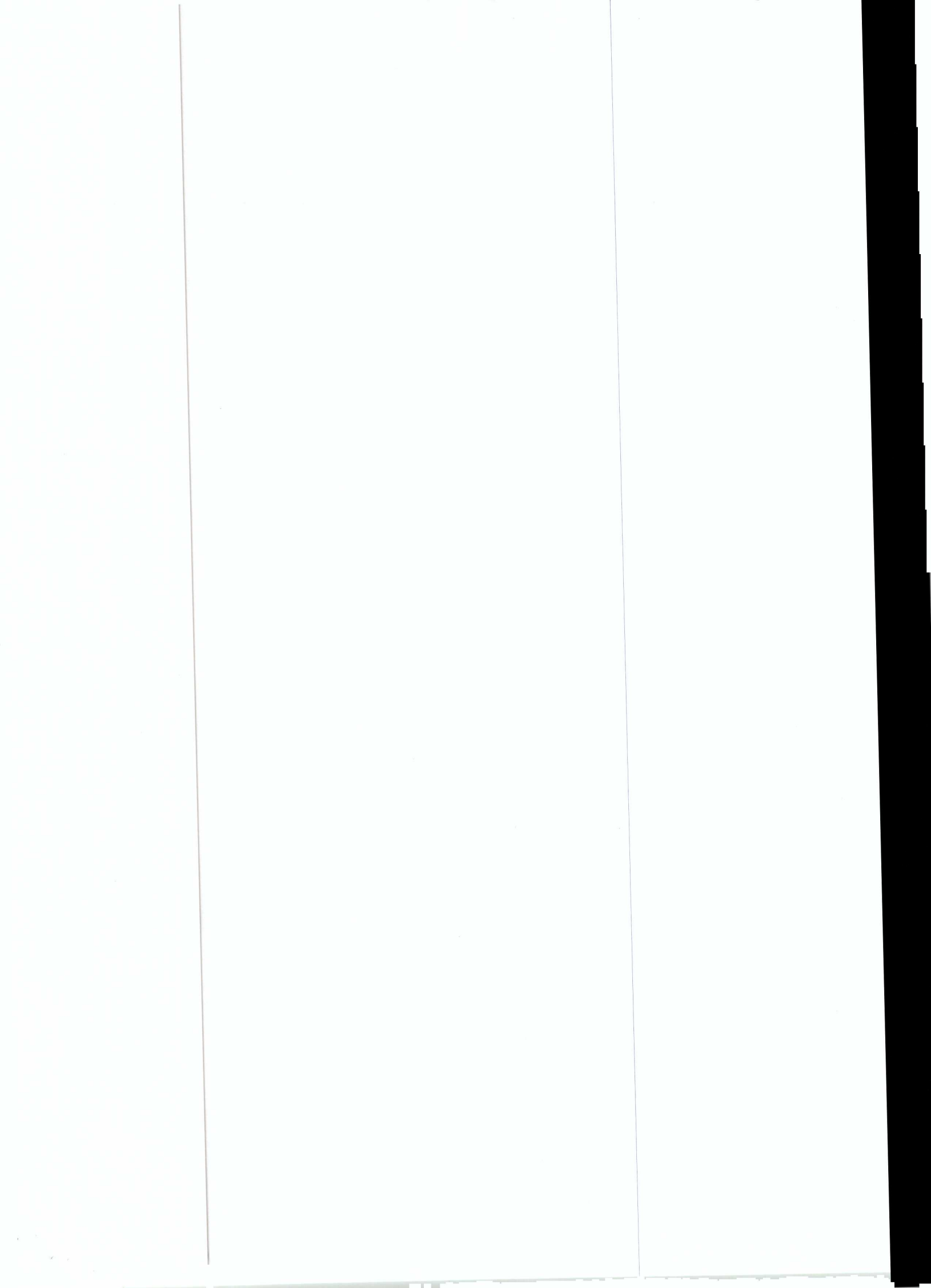
(Kèm theo Báo cáo số: 86 /BC-UBND ngày: 14 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk)

TT	Nội dung	KQ tự đánh giá		Nội dung sau khi điều chỉnh	Lý do sửa đổi, bổ sung
		Phù hợp	Chưa phù hợp, đề nghị điều chỉnh		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A	Tổng hợp đề xuất sửa đổi tiêu chí của các Trường				
I	Trường Cao đẳng nghề Thanh niên dân tộc Tây Nguyên				
1	Tiêu chí 1. Về quy mô đào tạo: Quy mô đào tạo tối thiểu là 2.000 học sinh, sinh viên hệ trung cấp nghề, cao đẳng nghề (tính theo số học sinh, sinh viên quy đổi)	x			
	<i>trong đó có ít nhất 30% học sinh, sinh viên học các nghề trọng điểm.</i>	x			
	Tiêu chí 2. Về việc làm sau đào tạo: Có ít nhất 80% số học sinh, sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng nghề được đào tạo	x			
	<i>trong vòng 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp,</i>	x			
	<i>trong đó các nghề trọng điểm đạt ít nhất là 90%.</i>	x			
	Tiêu chí 3. Về trình độ học sinh, sinh viên sau đào tạo: 100% học sinh, sinh viên tốt nghiệp hệ trung cấp nghề đạt bậc 2/5, hệ cao đẳng nghề đạt bậc 3/5 của tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia	x			Để đảm bảo điều này TCGDNN cần triển khai thêm các trung tâm đánh giá, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc kiểm tra đánh giá của HSSV

3	và có trình độ tin học đạt tiêu chuẩn IC3 hoặc tương đương trở lên,		x		Các chỉ số là khá cao đối với các cơ sở GDNN tại các tỉnh có điều kiện kinh tế khó khăn, các trung tâm đủ điều kiện đánh giá cấp chứng chỉ chưa có.
	trình độ ngoại ngữ tiếng Anh đạt 300 điểm TOEIC hoặc tương đương trở lên.		x		
	Trong đó, học sinh, sinh viên tốt nghiệp các nghề trọng điểm theo chương trình đào tạo được chuyển giao từ nước ngoài có trình độ ngoại ngữ tiếng Anh đạt 450 điểm TOEIC hoặc tương đương trở lên		x		
	và được các tổ chức giáo dục, đào tạo có uy tín của khu vực ASEAN hoặc quốc tế công nhận văn bằng, chứng chỉ.		x		
4	Tiêu chí 4. Về kiểm định chất lượng: Trường đạt cấp độ 3 tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng nghề.	x			
	100% nghề đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.	x			
5	Tiêu chí 5. Về giáo viên, giảng viên: 100% giáo viên đạt chuẩn quy định, có trình độ tin học IC3 hoặc tương đương trở lên,	x			
	trình độ ngoại ngữ tiếng Anh đạt 350 điểm TOEIC hoặc tương đương trở lên.	x			
	Trong đó, giáo viên dạy các nghề trọng điểm được chuyển giao có trình độ ngoại ngữ tiếng Anh đạt 450 điểm TOEIC hoặc tương đương trở lên.	x			
6	Tiêu chí 6. Về quản trị nhà trường: 100% cán bộ quản lý của trường được cấp chứng chỉ đào tạo về nghiệp vụ quản lý dạy nghề.	x			

	<p><i>Các hoạt động quản lý của trường và chương trình đào tạo các nghề trọng điểm được số hóa và mô phỏng hóa theo các công nghệ phần mềm tiên tiến trên thế giới.</i></p>		x		
B	Đề xuất sửa đổi, bổ sung các nội dung có liên quan	<i>Không có</i>			

2/1



BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NGHỀ TRỌNG ĐIỂM VÀ TRƯỜNG ĐƯỢC LỰA CHỌN NGHỀ TRỌNG ĐIỂM

(Kèm theo Báo cáo số 86/BC-UBND, ngày 14 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

1. Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề và các điều kiện đảm bảo chất lượng giai đoạn 2013-2016

TT	Nội dung	ĐVT	Tổng cộng (tr.đồng)	Trong đó		
				NSTW	NSĐP	ODA, khác
I	Trường Cao đẳng nghề Thanh niên dân tộc Tây Nguyên					
	Tổng cộng (=1+2+3+4+5+6+7)	Tr.đồng	106.686	26.476	39.975	40.235
1	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất	Tr.đồng	38.271	1.974	36.297	-
2	Mua sắm thiết bị đào tạo	Tr.đồng	67.240	24.502	2.503	40.235
a	Nghề Gia công thiết kế sản phẩm mộc	Tr.đồng	1.400	1.400	-	-
b	Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp	Tr.đồng	26.231	5.000	1.111	20.120
c	Nghề Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	Tr.đồng	12.938	3.000	807	9.131
d	Nghề Điện tử công nghiệp	Tr.đồng	11.569	-	585	10.984
e	Nghề Lâm sinh	Tr.đồng	3.126	3.126	-	-
f	Nghề chế biến Cà phê - Ca cao	Tr.đồng	6.976	6.976	-	-
g	Nghề Thú y	Tr.đồng	5.000	5.000	-	-
3	Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý dạy nghề	Tr.đồng	611		611	
4	Xây dựng, biên soạn chương trình, giáo trình dạy nghề	Tr.đồng	140		140	
5	Phát triển hoạt động kiểm định chất lượng dạy nghề	Tr.đồng	424		424	
6	Phát triển hệ thống đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	Tr.đồng	-			
7	Xây dựng hệ thống quản lý thông tin và CSDL về dạy nghề	Tr.đồng	-			
II	Trường Cao đẳng nghề Đắk Lắk					
	Tổng cộng (=1+2+3+4+5+6+7)	Tr.đồng	9.000	9.000	284	
1	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất	Tr.đồng				
2	Mua sắm thiết bị đào tạo	Tr.đồng	9.000	9.000		
a	Nghề trọng điểm Công nghệ ô tô cấp độ Quốc gia	Tr.đồng	2.138	2.138		
b	Nghề trọng điểm Điện công nghiệp cấp độ Quốc gia	Tr.đồng	4.262	4.262		
c	Nghề trọng điểm Cắt gọt kim loại cấp độ Quốc gia	Tr.đồng	2.600	2.600		
3	Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý dạy nghề	Tr.đồng				

4	Xây dựng, biên soạn chương trình, giáo trình dạy nghề	Tr.đồng	93		93	
5	Phát triển hoạt động kiểm định chất lượng dạy nghề	Tr.đồng	187		187	
6	Phát triển hệ thống đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	Tr.đồng	0		0	
7	Xây dựng hệ thống quản lý thông tin và CSDL về dạy nghề	Tr.đồng	4		4	

2. Kết quả tuyển sinh và tốt nghiệp có việc làm

TT	Nội dung	ĐVT	Kết quả tuyển sinh				Kết quả tốt nghiệp có việc làm					
			Tổng cộng	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó			
				Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016		Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
I	Trường CDN Đắk Lắk											
1.1	<i>Nghề Công nghệ ô tô cấp độ Quốc gia</i>		1.008	193	285	291	239	587	121	90	126	113
a	Cao đẳng nghề	Người	629	108	187	188	146	137	0	0	59	78
b	Trung cấp nghề	Người	379	85	98	103	93	450	121	90	67	35
c	Sơ cấp	Người										
1.2	<i>Nghề Điện công nghiệp cấp độ Quốc gia</i>		480	118	142	147	73	274	41	42	90	101
a	Cao đẳng nghề	Người	272	80	77	80	35	112	0	0	41	71
b	Trung cấp nghề	Người	208	38	65	67	38	162	41	42	49	30
c	Sơ cấp nghề	Người										
1.3	<i>Nghề Cắt gọt kim loại /cấp độ Quốc gia</i>		188	38	44	44	52	102	26	14	32	30
a	Cao đẳng nghề	Người	99	19	29	29	22	29	0	0	17	12
b	Trung cấp nghề	Người	89	29	15	15	30	73	26	14	15	18
c	Sơ cấp nghề	Người										
II	Trường Cao đẳng nghề Thanh niên dân tộc Tây Nguyên											
2.1	<i>Nghề Gia công thiết kế sản phẩm mộc/khu vực ASEAN</i>											
A	Cao đẳng nghề	Người										
B	Trung cấp nghề	Người	100	22	24	23	31	24	9		11	4

TT	Nội dung	ĐVT	Kết quả tuyển sinh				Kết quả tốt nghiệp có việc làm					
			Tổng cộng	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó			
				Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016		Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
C	Trình độ Sơ cấp	Người										
2.2	<i>Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp (ASEAN)</i>											
A	Cao đẳng nghề	Người	96	0	38	36	22					
B	Trung cấp nghề	Người	108	0	29	43	36					
C	Trình độ Sơ cấp	Người										
2.3	<i>Nghề Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)/khu vực</i>											
A	Cao đẳng nghề	Người	126	30	39	28	29	77	25	22	16	14
B	Trung cấp nghề	Người	179	55	44	44	36	56	15	16	18	7
C	Trình độ Sơ cấp	Người										
2.4	<i>Nghề Điện tử công nghiệp/khu vực</i>											
A	Cao đẳng nghề	Người										
B	Trung cấp nghề	Người	121	0	39	46	36	30	9	12	9	0
C	Trình độ Sơ cấp	Người										
2.5	<i>Nghề Lâm sinh/Quốc gia</i>											
A	Cao đẳng nghề	Người	46	28	18	0	0	27	0	0	17	10
B	Trung cấp nghề	Người										
C	Trình độ Sơ cấp	Người										
2.6	<i>Nghề Chế biến cà phê-Cacao/Quốc gia</i>											

TT	Nội dung	ĐVT	Kết quả tuyển sinh				Kết quả tốt nghiệp có việc làm					
			Tổng cộng	Trong đó			Tổng cộng	Trong đó				
				Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015		Năm 2016	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
A	Cao đẳng nghề	Người										
B	Trung cấp nghề	Người	89	17	26	19	27	22	10	10	0	2
C	Trình độ Sơ cấp	Người										
2.7	Nghề Thú y/Quốc gia											
A	Cao đẳng nghề	Người	317	60	91	87	79	101	16	20	23	42
B	Trung cấp nghề	Người	114	32	0	40	42	60	14	19	18	9
C	Trình độ Sơ cấp	Người										

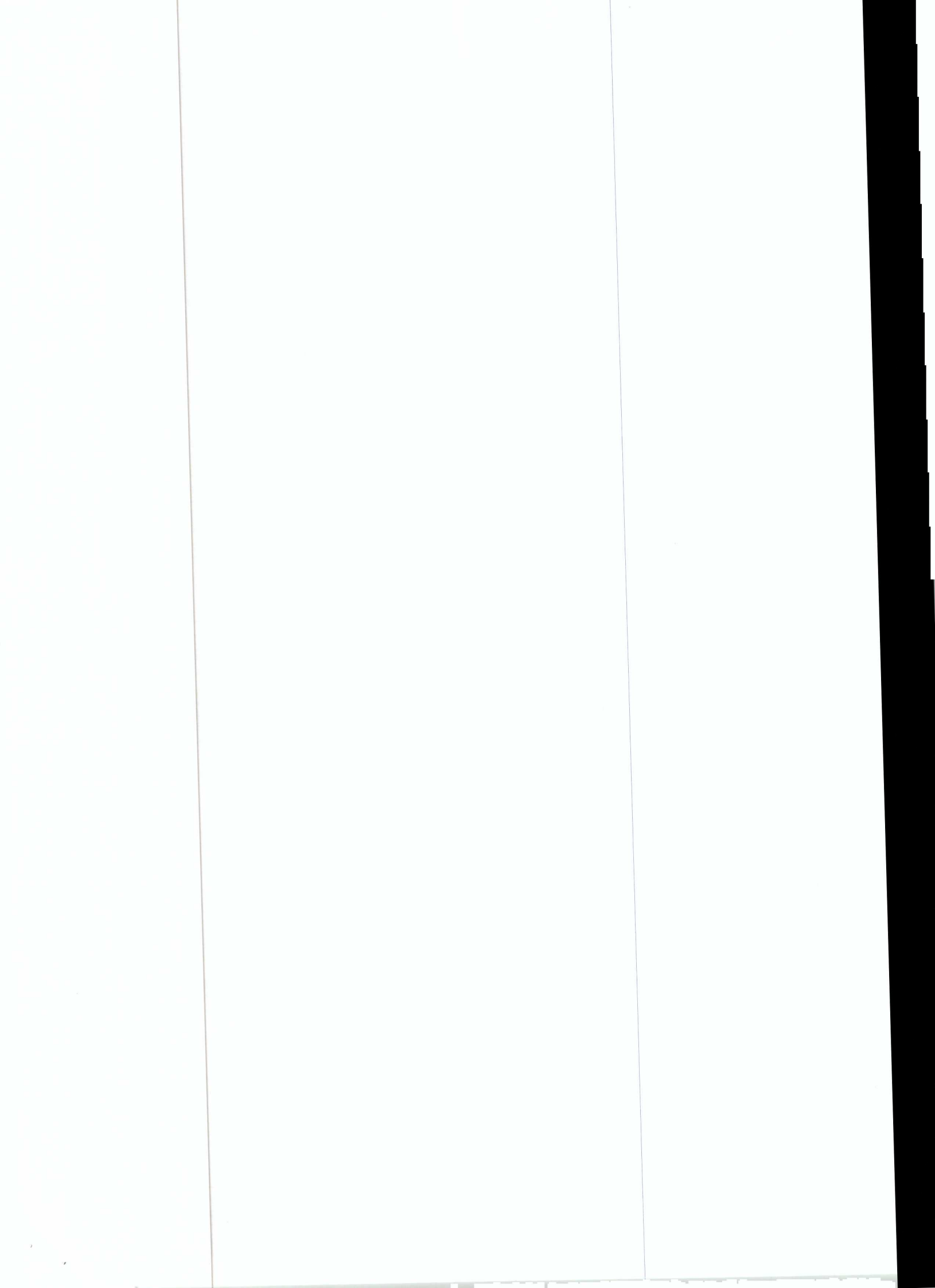
3. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý

TT	Nội dung	ĐVT	Tổng cộng	Trong đó			
				Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
I	Trường CDN Đắk Lắk						
1.1	Đào tạo cán bộ quản lý	Người	64	11	40	5	8
1.2	Đào tạo giáo viên	Người	64	11	24	14	15
a	Nghề Công nghệ ở tã Quốc gia	Người	8	3	0	0	5
b	Nghề Điện công nghiệp Quốc gia	Người	11	1	3	0	7
c	Nghề Cắt gọt kim loại Quốc gia	Người	5	3	0	1	1
II	Trường Cao đẳng nghề Thanh niên dân tộc Tây Nguyên						
2.1	Đào tạo cán bộ quản lý	Người	147	20	59	24	44
2.2	Đào tạo giáo viên	Người	54				
a	Nghề Gia công thiết kế sản phẩm mộc/khu vực	Người	3		3		
b	Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp /khu vực	Người	8		2		6
c	Nghề Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) /khu vực	Người	3	1	2		

d	Nghề Điện tử công nghiệp/khu vực	Người	29		5	6	18
e	Nghề Lâm sinh/Quốc gia	Người	6		3		3
f	Nghề chế biến Cà phê - Cao cao/Quốc gia	Người	5		5		
g	Nghề Thú y/Quốc gia	Người					

4. Kết quả xây dựng, biên soạn chương trình, giáo trình (CT, GT)

TT	Nội dung	ĐVT	Tổng cộng	Trong đó			
				Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Trường CĐN Đắk Lắk						
a	Nghề Công nghệ ô tô/Quốc gia	Bộ CT, GT	6 (CT), 32 (GT)	0	3 (CT), 29 (GT)	3 (GT)	3 (CT)
b	Nghề Điện công nghiệp/Quốc gia	Bộ CT, GT	6 (CT), 25 (GT)	0	3 (CT), 23 (GT)	2 (GT)	3 (CT)
c	Nghề Cắt gọt kim loại/ Quốc gia	Bộ CT, GT	5 (CT), 37 (GT)	0	3 (CT), 28 (GT)	9 (GT)	2 (CT)
2	Trường Cao đẳng nghề Thanh niên dân tộc Tây Nguyên						
a	Nghề Gia công thiết kế sản phẩm mộc/khu vực	Bộ CT, GT	05	01 (CT)		01 (CT)	03 (GT)
b	Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp /khu vực	Bộ CT, GT	01				01 (CT)
c	Nghề Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) /khu vực	Bộ CT, GT	02		02 (CT)		
d	Nghề Điện tử công nghiệp/khu vực	Bộ CT, GT	0				
e	Nghề Lâm sinh/Quốc gia	Bộ CT, GT	06		03 (GT) 02 (CT)		01 (CT)
f	Nghề chế biến Cà phê - Cao cao/Quốc gia	Bộ CT, GT	07	01 (CT)	04 (GT)	02 (CT)	
g	Nghề Thú y/Quốc gia	Bộ CT, GT	06	02 (CT)	02 (CT)		01 (GT) 01 (CT)



5. Kết quả thực hiện một số nội dung khác:

TT	Nội dung	ĐVT	Tổng cộng	Trong đó			
				Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
I	Trường Cao đẳng nghề Đắk Lắk						
1	<i>Phát triển hoạt động kiểm định chất lượng dạy nghề</i>						
a	Kiểm định chất lượng cơ sở dạy nghề	Chưa KĐ ngoài					
b	Số kiểm định viên chất lượng dạy nghề được đào tạo, bồi dưỡng	Người	3	0	3	0	0
c	Số cán bộ tự kiểm định chất lượng dạy nghề được đào tạo, bồi dưỡng	Người	0	0	0	0	0
d	Số chương trình đào tạo được thí điểm kiểm định chất lượng	Chương trình đào tạo	0	0	0	0	0
2	<i>Phát triển hệ thống đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia</i>						
a	Số đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia được đào tạo, bồi dưỡng	Người	0	0	0	0	0
b	Số giáo viên dạy nghề được đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	Người	11	3	4	4	0
3	<i>Xây dựng hệ thống quản lý thông tin và CSDL về dạy nghề</i>						
a	Phần mềm được ứng dụng trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề	Phần mềm	2	0	0	2	0
b	Chương trình, giáo trình được số hóa, mô phỏng hóa	Bài giảng	0	0	0	0	0

Handwritten signature

II	Trường Cao đẳng nghề Thanh niên dân tộc Tây Nguyên						
1	Phát triển hoạt động kiểm định chất lượng dạy nghề						
a	Kiểm định chất lượng cơ sở dạy nghề			Cấp độ 3 (nghề thú y)	Tự kiểm định đạt 91 điểm	Tổng cục KĐ đánh giá đạt cấp độ 3 (85đ)	Tự kiểm định đạt 92 điểm
b	Số kiểm định viên chất lượng dạy nghề được đào tạo, bồi dưỡng	Người	5	2	2	1	0
c	Số cán bộ tự kiểm định chất lượng dạy nghề được đào tạo, bồi dưỡng	Người	88	16	25	22	25
d	Số chương trình đào tạo được thí điểm kiểm định chất lượng	Chương trình đào tạo	01	01 (nghề thú y)			
2	Phát triển hệ thống đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia						
a	Số đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia được đào tạo, bồi dưỡng	Người	2		2	0	
b	Số giáo viên dạy nghề được đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	Người	32		26	6	
3	Xây dựng hệ thống quản lý thông tin và CSDL về dạy nghề						
a	Phần mềm được ứng dụng trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề	Phần mềm	2	1 (phần mềm quản lý đào tạo: Thời khóa biểu; phần làm điểm...)	1 (phần mềm quản lý thư viện)		
b	Chương trình, giáo trình được số hóa, mô phỏng	Bài giảng	9	1	2	6 (khoa TH – NN-KD)	Phần mềm còn lại đưa vào thư viện điện tử và một số giáo viên tự mua và sử dụng)

27

ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG NGÀNH, NGHỀ TRỌNG ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Báo cáo số: 86 /BC-UBND, ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên trường	Loại hình				Nghề trọng điểm đã được phê duyệt theo các Quyết định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội			Đề xuất điều chỉnh, bổ sung nghề trọng điểm			Ghi chú
		Trường đã được lựa chọn nghề trọng điểm		Trường đề xuất bổ sung nghề trọng điểm		Quốc tế	Khu vực ASEAN	Quốc gia	Quốc tế	Khu vực ASEAN	Quốc gia	
		Theo QĐ số 854/QĐ-LĐTĐ ngày 06/6/2013	Theo QĐ số 960/QĐ-LĐTĐ ngày 26/6/2013	Trường công lập	Trường ngoài công lập							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	Trường Cao đẳng nghề Thanh niên Dân tộc Tây Nguyên	x		x								
1	Nghề Gia công thiết kế sản phẩm mộc						x					Giữ nguyên
2	Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp						x					"
3	Nghề Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)						x					"
4	Nghề Điện tử công nghiệp						x					"
5	Nghề Lâm sinh											"
6	Nghề chế biến Cà phê - Ca cao							x				"
7	Nghề Thú y							x				"
8	Nghề Công nghệ ô tô							x				"
9	Nghề Công nghệ hàn								X			Bổ sung thêm
II	Trường Cao đẳng nghề Đắk Lắk	x		x						X		Bổ sung thêm
1	Công nghệ ô tô											
2	Điện công nghiệp							x		X		Điều chỉnh cấp độ
3	Cắt gọt kim loại							x		X		Điều chỉnh cấp độ
4	Hàn							x				Giữ nguyên
											X	Bổ sung thêm